

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2019/DS-PT
Ngày: 24 - 10 -2019
“V/v tranh chấp về thừa kế tài
sản là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoàng Vũ;
Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 166/2019/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số 983/2019/TB-XX ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị C, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lương Thị G, sinh năm 1964; (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị G là bà Lương Thị C, sinh năm 1960 (theo Giấy ủy quyền đại diện pháp lý ngày 29/7/2019 được UBND phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương chứng thực). (có mặt)

3.2 Bà Lương Thị M, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị M là bà Lương Thị C, sinh năm 1960 (theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2015). (có mặt)

3.3 Ông Lương Văn T (Minh C), sinh năm: 1976; (vắng mặt)

3.4 Ông Lương Văn T1(Minh P), sinh năm: 1978; (vắng mặt)

3.5 Ông Lương Minh V, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

3.6 Bà Lương Thị Kim V1, sinh năm: 1991; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

3.7 Bà Lương Thị D, sinh năm: 1957; địa chỉ cư trú: xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.8 Bà Đ Thị Xuân L, sinh năm: 1948; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.9 Ông Tống Văn T, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lương Thị C trình bày: Cha mẹ bà là ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị H được thừa hưởng diện tích đất vườn tại xã An Phú, huyện Tịnh Biên với diện tích $6.582m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00911 do ông Lương Văn H đứng tên quyền sử dụng (theo kết quả đo đạc ngày 06/6/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì diện tích thực tế là $6.555,4m^2$); sau khi bà H qua đời, ông H chung sống với bà Nguyễn Thị Đ. Khi còn sống ông H có chia cho bà và bà Giàu mỗi người một nền ngang 10m dài 40m, nhưng năm 2005 ông H chết, bà Đ quản lý sử dụng và không chia cho bà và bà Giàu như ý nguyện của ông H. Ông H chết không để lại di chúc, nên bà Có yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải chia thừa kế phần đất do ông Lương Văn H chết để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật để cất nhà sinh sống. Thời gian còn sống, ông H có chuyển nhượng cho ông Tống Văn T diện tích đất $488,5m^2$ chưa làm thủ tục chuyển quyền, bà có đồng ý khấu trừ diện tích này và tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông T. Riêng phần diện tích bà Đ chuyển nhượng cho bà Đ Thị Xuân L sau khi ông H chết, nên bà Đ phải chịu phần này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ thừa nhận phần diện tích đất vườn diện tích khoảng 5 công tọa lạc tại xã An Phú, bà cùng các con Lương Thị Kim V1, Lương Minh V, Lương Văn T, Lương Văn T1 đang sử dụng là của ông H thừa hưởng từ ông bà trong số 11 công. Ông H có 04 người con riêng: C, M, D, G, bà và ông H có 04 người con chung là: T, T1, V, V. Khi còn sống, ông H đã cắt chia đất cho các chị em của bà Có, còn lại khoảng 5 công bà cùng các con Lương Thị Kim V1, Lương Minh V, Lương Văn T, Lương Văn T1 đang sinh sống

là phần của bà. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C cùng các chị em bà C. Năm 2003, bà và ông H có chuyển nhượng cho ông Tống Văn T phần đất diện tích 488,5m² với giá 30.000.000 đồng; năm 2005 chuyển nhượng cho bà Đ Thị Xuân L phần đất diện tích 494,9m² với giá 37.500.000 đồng, hiện các bên đã giao tiền và giao đất, tuy nhiên vẫn chưa làm thủ tục chuyển quyền.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Lương Thị G và bà Lương Thị M (có bà Lương Thị C làm đại diện theo ủy quyền) cùng yêu cầu được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Lương Văn H chết để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Bà Lương Thị D, yêu cầu được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông H để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhận bằng hiện vật.

Anh Lương Văn T (Minh Cảnh), anh Lương Văn T1 (Minh Phụng), anh Lương Minh V, chị Lương Thị Kim V1: Cùng có ý kiến, đất các anh chị sinh sống là đất của ông H để lại cho bà Đ (là mẹ) thừa hưởng, trường hợp có chia thì cũng đồng ý nhận và giao lại cho bà Đ quản lý sử dụng.

Ông Tống Văn T trình bày: Năm 2003, ông có nhận chuyển nhượng phần đất nền nhà diện tích 488,5m² với giá 30.000.000 đồng, vị trí đất theo bản vẽ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) Tỉnh Biên. Ông đã giao đủ tiền, bà Đ đã giao đất, ông đã cắm mốc xong, nhưng vẫn chưa làm thủ tục chuyển quyền. Do đó, ông T yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Bà Đ Thị Xuân L trình bày: Ngày 28/4/2005, bà có nhận chuyển nhượng diện tích đất 494,9m² từ bà Đ với giá 37.500.000 đồng, bà đã thanh toán đủ tiền và bà Đ đã giao đất, đồng thời đã đo đạc lập bản vẽ do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay Văn phòng đăng ký đất đai) Tỉnh Biên lập, nhưng vẫn chưa làm thủ tục sang tên. Bà L yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị C xin chia di sản thừa kế.

Bà Nguyễn Thị Đ được tiếp tục sử dụng diện tích đất 6.066,9m² tọa lạc tại ấp Phú Hiệp, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo các điểm mốc 40, 41, 42, 43, 44, 45, 28, 29, 30, 31, 32, 39 về 40 theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay Văn phòng đăng ký đất đai) Tỉnh Biên lập ngày 06/6/2013.

Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản được chia cho: Bà Lương Thị C, bà Lương Thị M, bà Lương Thị G, bà Lương Thị D, anh Lương Văn Tài, anh Lương Văn T, anh Lương Minh V, chị Lương Thị Kim V1, mỗi người 15.849.577 (mười lăm triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Tống Văn T với diện tích 488,5m² theo các điểm 38, 30, 29, 34, 35, 36, 37 về 38; bà Đ Thị Xuân L diện tích 494,9m² theo các điểm 39, 32, 31, 30, 38 về 39; các điểm được thể hiện theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay Văn phòng đăng ký đất đai) Tỉnh Biên lập ngày 06/6/2013; Ông Tống Văn T và bà Đ Thị Xuân L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục chuyển quyền, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 30/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất bằng hiện vật cho chị em bà theo quy định pháp luật, vì hiện nay bà và các thành viên trong gia đình không có đất xây dựng nhà ở, không có nơi cư trú ổn định, phải đi thuê nhà để sinh sống.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Lương Thị D là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lương Văn Hgồm: Nguyễn Thị Đ, Lương Thị C, Lương Thị D, Lương Thị G, Lương Thị M, Lương Văn T (Minh Cảnh), Lương Văn T1(Minh Phụng), Lương Minh V, Lương Thị Kim V1; di sản thừa kế của ông H để lại. Đã chia di sản thừa kế của ông H làm 09 kỷ phần bằng nhau theo quy định pháp luật, mỗi kỷ phần 337,05m² (trong đó có 34m² đất ở và 303,05m² đất cây lâu năm) là đúng quy định pháp luật. Đồng thời cấp sơ thẩm không chia được bằng hiện vật là có cơ sở theo quy định khoản 2 Điều 5 Quyết định số 103/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh An Giang và ổn định diện đất được chia các thừa kế cho bà Đ, buộc bà Đ có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị đất tương ứng cho các đồng thời kế mỗi kỷ phần 15.849.577 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, ông T1, ông V và bà V đều có ý kiến nhường lại kỷ phần được hưởng cho bà Đ nhưng cấp sơ thẩm buộc bà Đ phải hoàn trả giá trị kỷ phần cho ông T, ông T1, ông V và buộc họ chịu án phí là chưa đúng quy định.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đ ông H với ông T diện tích 488,5m², giữa bà Đ với bà L diện tích 494,9m² tuy không tuân thủ về mặt hình thức hợp đồng nhưng các bên đã giao nhận đủ tiền và nhận đất.

Ông T, bà L có yêu cầu tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm giao diện tích đất đã được chuyển nhượng cho ông T, bà L là có căn cứ; đồng thời khi án có hiệu lực pháp luật ông T, bà L có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký diện tích đất trên.

Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà D, sửa bản án sơ thẩm: buộc bà Đ phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản được chia cho bà C, bà M, Bà D và bà G mỗi người 15.849.577đ. Ông T, ông T1, ông V và bà V không chịu án phí dân sự sơ thẩm và bà Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông (bà) Lương Văn T, Lương Văn Tài, Lương Minh V, Lương Thị Kim V1, Đặng Thị Xuân L và ông Tống Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị D làm đơn kháng cáo ngày 30/12/2018, do bà vắng mặt tại phiên tòa ngày 27/11/2018 và bà nhận được bản án sơ thẩm ngày 20/12/2018 nên vẫn còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Thực tế trên diện tích đất tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất có các căn nhà của ông Tới, ông Vương, ông Tài và bà Vàng sinh sống, nhưng cấp sơ thẩm không đem những người sinh sống trong các căn nhà trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, các đương sự trong vụ án xác định không tranh chấp các vật kiến trúc có trên đất và các ông T, ông T1, ông V và bà V đều biết sự việc tranh chấp chia di sản thừa kế, không có ý kiến tranh chấp về quyền sử dụng đất đã cất nhà gia đình ở nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải đem họ vào tham gia tố tụng, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và dành cho họ quyền khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất sau này nếu có bằng vụ án dân sự khác.

Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lương Văn H chết ngày 05/01/2005, ông H không để lại di chúc, bà Lương Thị C khởi kiện ngày 03/12/2007, căn cứ theo

Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015) thì thời hiệu chia thừa kế vẫn còn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ông Lương Văn Hchung sống với bà Nguyễn Thị H sinh được 4 người con gồm: Lương Văn Có, Lương Thị D, Lương Thị G và Lương Thị M. Bà H chết, ông H tiếp tục chung sống với bà Nguyễn Thị Đ và sinh được 4 con gồm: Lương Văn T (tự Minh C), Lương Văn T1(tự Minh P), Lương Minh V và Lương Thị Kim V1. Năm 2005 ông H chết không để lại di chúc nên phát sinh quan hệ thừa kế theo pháp luật được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông H), bà Lương Thị C, bà Lương Thị M, bà Lương Thị G, bà Lương Thị D, ông Lương Văn T (Minh C), ông Lương Văn T1(Minh P), ông Lương Minh V (Chí T), bà Lương Thị Kim V1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Về di sản thừa kế: Ông Lương Văn Hững tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00911/QSDĐ/aK ngày 23/11/1992 với diện tích là 6.582m^2 đất tọa lạc tại ấp Phú Hiệp, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tịnh Biên lập ngày 05/6/2013 có diện tích là $6.555,4\text{m}^2$ hiện bà Đ đang quản lý sử dụng, trên đất còn có một số cây ăn trái. Trong diện tích này khi ông H còn sống có sang nhượng cho ông Tống Văn T diện tích $488,5\text{m}^2$, sau khi ông H chết bà Đ sang nhượng cho bà Đ Thị Xuân L diện tích $494,9\text{m}^2$. Các bên đã giao nhận đầy đủ tiền, đo đạc và cắm mốc nhưng chưa làm thủ tục tách bộ chuyển quyền. Xét việc chuyển nhượng diện tích đất cho ông T phát sinh từ thời điểm ông H còn sống và đây là sự định đoạt của ông H và bà Đ. Tuy chưa làm thủ tục chuyển quyền nhưng thực tế tài sản là diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông T không còn tại thời điểm mở thừa kế nên không được coi là di sản ông H để lại. Đối với việc chuyển nhượng diện tích đất cho bà L, phát sinh sau thời điểm ông H chết, đây là sự định đoạt của bà Đ không được sự đồng ý của tất cả các đồng thừa kế của ông H và bà Đ không chứng minh được việc chuyển nhượng đất cho bà L là nhằm vào mục đích sử dụng chung, cho nên sẽ được khấu trừ vào phần tài sản hoặc khấu trừ vào kỹ phần thừa kế của bà Đ được chia.

Xét đối với tài sản của chung giữa ông H và bà Đ trên căn trừ phần diện tích đất khi ông H còn sống đã sang nhượng cho ông T $488,5\text{m}^2$. Việc này cũng được các thừa kế của ông H thừa nhận. Vậy tài sản chung của ông H và bà Đ còn lại có diện tích là $6.555,4\text{m}^2 - 488,5\text{m}^2 = 6.066,9\text{m}^2$. Về diện tích đất bà Đ sang nhượng cho bà L $494,9\text{m}^2$ phát sinh sau thời điểm ông H chết, không được sự đồng ý của bà C, bà G, bà M và Bà D (con ông H). Tại phiên tòa sơ thẩm bà Đ cũng không chứng minh được việc chuyển nhượng đất cho bà L nhằm vào việc sử dụng chung, do đó bà Đ phải chịu phần này và sẽ được trừ vào tài sản bà Đ được chia. Như vậy, phần tài sản chung giữa ông H và bà Đ là $6.066,9\text{m}^2$,

trong đó bà Đ có được $\frac{1}{2}$ là 3.033,45m² còn lại là di sản của ông H được chia cho 9 thừa kế, vậy mỗi thừa kế được chia là 337.05m².

Toàn bộ tài sản trên do bà Đ quản lý sử dụng, bà Có, Bà D, bà Giàu, bà Mân yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật, theo đó phần di sản được chia cho 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần 337,05m², trong đó mỗi kỷ phần có 34,0m² đất ở, đất lâu năm khác là 303,05m²; Nhưng căn cứ theo khoản 2, Điều 5 Quyết định số 103/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; quy định về diện tích tách thửa tối thiểu đối với đất ở các xã (ONT) là 45m², diện tích tối thiểu đất trồng cây lâu năm (CLN) là 500m²; Đồng thời xét về diện tích đất được chia không nằm đều nhau, hiện bà Đ cùng các con (Tài, Vương, Tới, Vàng) cất nhà và sinh sống ổn định, việc chia cắt bằng hiện vật sẽ không đảm bảo về chỗ ở, cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Đ, cùng các con bà Đ; Nên yêu cầu chia di sản thừa kế và nhận bằng hiện vật của bà C, Bà D, bà G, bà M là không có cơ sở chấp nhận. Trên cơ sở đó, cấp sơ thẩm đã giao toàn bộ phần diện tích đất 3.033,45m² phần của ông H chết để lại cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý và sử dụng. Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả phần giá trị đất tương ứng cho các đồng thừa kế được nhận với kỷ phần bằng 15.849.577 đồng là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đ, ông H với ông T diện tích 488,5m² và bà Đ với bà L diện tích 494,9m²; tuy không tuân thủ về hình thức của hợp đồng, nhưng về nội dung bên nhận chuyển nhượng đã trả đủ tiền, bên chuyển nhượng đã giao đất và các bên có yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, nên cấp sơ thẩm giao diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông T, bà L là có căn cứ, đồng thời khi án có hiệu lực ông T và bà L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn tất thủ tục tách bộ chuyển quyền đối với diện tích đất trên.

Từ những nhận định trên, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị D yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất bằng hiện vật cho chị em bà theo quy định pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát yêu cầu sửa án sơ thẩm việc buộc bà Đ phải trả giá trị kỷ phần cho ông T, ông T1, ông V, bà V và các ông T, ông T1, ông V, bà V không chịu án phí sơ thẩm. Xét thấy, các đương sự nêu trên không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét phần này.

[3] Chi phí tố tụng: do yêu cầu kháng cáo của Bà D không được chấp nhận nên phải chịu 1.340.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản đã tạm ứng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị D
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 129, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị C xin chia di sản thừa kế.

Bà Nguyễn Thị Đ được tiếp tục sử dụng diện tích đất 6.066,9m² tọa lạc tại ấp Phú Hiệp, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo các điểm mốc 40, 41, 42, 43, 44, 45, 28, 29, 30, 31, 32, 39 về 40 theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay Văn phòng đăng ký đất đai) Tịnh Biên lập ngày 06/6/2013.

Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản được chia cho: Bà Lương Thị C, bà Lương Thị M, bà Lương Thị G, bà Lương Thị D, anh Lương Văn Tài, anh Lương Văn T, anh Lương Minh V, chị Lương Thị Kim V1, mỗi người 15.849.577 (mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Tống Văn T với diện tích 488,5m² theo các điểm 38, 30, 29, 34, 35, 36, 37 về 38; bà Đ Thị Xuân L diện tích 494,9m² theo các điểm 39, 32, 31, 30, 38 về 39; các điểm được thể hiện theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay Văn phòng đăng ký đất đai) Tịnh Biên lập ngày 06/6/2013; Ông Tống Văn T và bà Đặng Thị Xuân L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục chuyển quyền, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Lương Thị M, bà Lương Thị G, bà Lương Thị D, anh Lương Văn Tài, anh Lương Văn T, anh Lương Minh V, chị Lương Thị Kim V1, mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lương Thị C số tiền 663.887 đồng (sáu trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng)

Về chi phí tổ tụng phúc thẩm: bà Lương Thị D phải chịu 1.340.000 đồng (một triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản đã tạm ứng.

Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lương Thị M, bà Lương Thị G, bà Lương Thị D, anh Lương Văn Tài, anh Lương Văn T, anh Lương Minh V, chị Lương Thị Kim V1 mỗi người phải chịu 794.728 đồng (bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lương Thị C phải chịu 794.728 đồng (bảy trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm hai tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà C đã nộp theo phiếu thu số 34 ngày 20/12/2007 của Thi hành án dân sự (nay là Chi cục thi hành án dân sự) huyện Tịnh Biên. Bà có được nhận lại số tiền 2.905.272 đồng (hai triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho ông Tống Văn T số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp theo phiếu thu số 002885 ngày 05/3/2008 của Thi hành án dân sự (nay là Chi cục thi hành án dân sự) huyện Tịnh Biên.

- Hoàn trả cho bà Đặng Thị Xuân L số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp theo phiếu thu số 002886 ngày 05/3/2008 của Thi hành án dân sự (nay là Chi cục thi hành án dân sự) huyện Tịnh Biên.

Về án phí phúc thẩm: Bà Lương Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo phiếu thu số 0014478 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tịnh Biên;
- Chi cục THA-DS huyện Tịnh Biên;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

